Họ và tên:…… Lớp: 1……

PHIẾU TOÁN LUYỆN HÈ SỐ 1

PHẦN I: TRẮC NGHIỆM (3 điểm) (Mỗi câu trả lời đúng được 0,5 điểm)

Khoanh hoặc điền tròn vào chữ cái trước câu trả lời đúng

Câu 1: Số 85 đọc là:

A, Tám mươi lăm B, Tám lăm C, Tám mươi năm

Câu 2: Phép tính có kết quả lớn hơn 35 là:

A, 76 - 53 B, 10 + 25 C, 83 – 40

Câu 3: Số ở giữa số 89 và 91 là:

A, 80 B, 90 C, 88

Câu 4: Một tuần lễ em đi học số ngày là:

A, 7 ngày B, 5 ngày C, 2 ngày

Câu 5: Các số tròn chục có hai chữ số lớn hơn 69 nhưng bé hơn 99 là:

A, 70; 80; 90 B, 80; 90; 100 C, 60; 70; 80

Câu 6:

- Ngày Sách Việt Nam là 21 tháng tư , vào thứ .....
- Trường em tổ chức tuần lễ văn hoá đọc. Nếu khai mạc vào 21 tháng tư thì kết thúc vào ngày ..... tháng tư

PHẦN II: TỰ LUẬN (7 điểm)

Câu 1: (2 điểm) Đặt tính rồi tính

12 - 2 8 + 2 65 - 20 73 + 6

Câu 2 (1 điểm) Tính nhẩm

88 - 58 =..... 53 + 32 - 30 =.....

25 + 74 - 70 =..... 80 cm – 80 cm + 80 cm =.....

Câu 3: (1 điểm) Viết phép tính và số thích hợp

Kiên và Cường cũng sưu tầm ảnh về các loài chim. Kiên sưu tầm được 20 bức ảnh, Cường sưu tầm được 31 bức ảnh. Hỏi cả hai bạn sưu tầm được bao nhiêu bức ảnh?

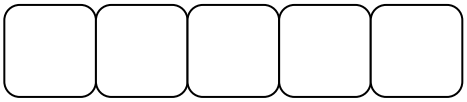

Câu trả lời: Cả hai bạn sưu tầm được ☐ bức ảnh

Câu4: (2 điểm)

a. Viết tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp:

Nếu hôm nay là thứ tư ngày 17 tháng 6 thì ngày mai là thứ ..... ngày .....

b. Số ?

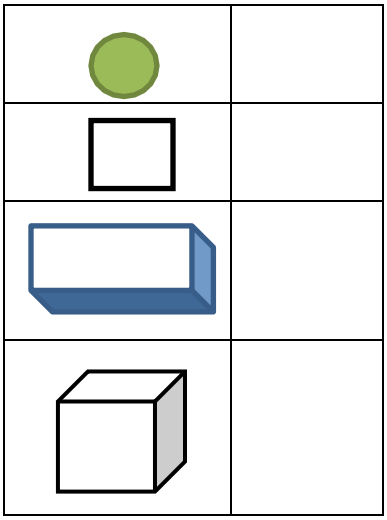

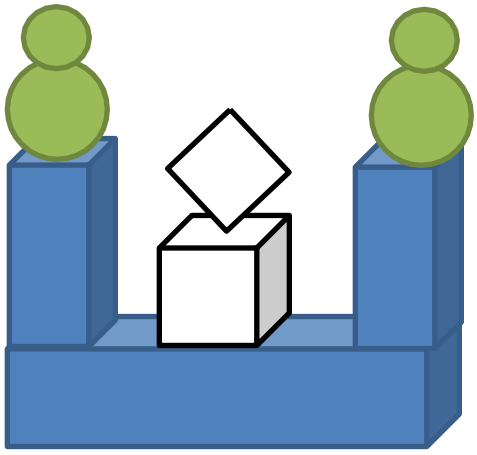

Họ và tên:…… Lớp: 1……

PHIẾU TOÁN LUYỆN HÈ SỐ 2

Câu 1: (1 điểm) ***Khoanh vào đáp án đúng***

a. Số nào lớn nhất ?

A. 67 B. 45 C. 23 D. 9

b. Điền dấu thích hợp 78 – 12 54

A. > B. < C. =

c. Điền dấu thích hợp 67 ..... 12 + 23

A. < B. > C. =

d. Số tròn chục liền sau số 40 là:

A. 20 B. 30 C. 40 D.50

Câu 2: (1 điểm) ***Điền dấu +, -***

76 .....56 = 20 23 .....11 = 12

34 ..... 34 + 34 = 34 56 ..... 12 + 5 = 49

78 .....10 ..... 10 = 98 42 – 12 .....10 = 20

Câu 3: (1 điểm) ***Nối đúng các phép tính có cùng kết quả ?***

Câu 4: (1 điểm) ***Đặt tính rồi tính .***

77 + 12 85 + 13 77 - 22 87 - 3

Câu 5: (1 điểm)

a. ***Viết kết quả của mỗi phép tính vào ô trống***

Phép tính	**17 + 2**	**72 – 2**	**24 + 0**	**32 + 2**	**73 - 23**	**21 + 13**
Kết quả						

b. ***Viết phép tính ở câu a vào chỗ chấm:***

+ Phép tính .....có kết quả lớn nhất

+ Phép tính .....có kết quả bé nhất

+ Hai phép tính .....và .....có kết quả bằng nhau

Câu 6: (1 điểm) Tính

67 – 12 = ... 89 + 11 – 80 = ...

70 – 20 = ... 21 + 23 – 40 = ...

12 – 2 = ... 67 – 12 – 12 = ...

Câu 7: (1 điểm) **Đồng hồ chỉ mấy giờ?**

....

Câu 8: **(1 điểm) Đúng ghi Đ, sai ghi S vào ô trống**. Linh gấp được 23 chiếc thuyền giấy, Hoa gấp được 32 chiếc, Hùng gấp được 18 chiếc. Vậy:

+ Số thuyền giấy của Hoa gấp được nhiều hơn của Linh ☐

+ Số thuyền giấy của Linh gấp được ít hơn của Hùng ☐

+ Số thuyền giấy của Linh gấp được nhiều nhất ☐

+ Số thuyền giấy của Hùng gấp ít nhất ☐

Câu 9: **(1 điểm)** Bác Tư trồng được tất cả 17 quả bưởi và cam, trong đó có 7 cây cam. Hỏi Bác Tư trồng được bao nhiêu cây bưởi?

Họ và tên:…… Lớp: 1……

PHIẾU TOÁN LUYỆN HÈ SỐ 3

<u>Câu 1</u>: (1 điểm) Nối đúng?

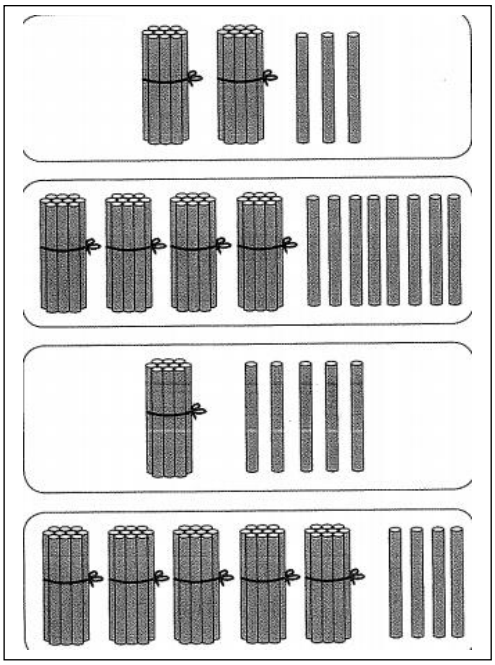

54	Năm mươi tư
15	Hai mươi ba
23	Bốn mươi tám
48	Mười lăm

<u>Câu 2:</u> (1 điểm) ***Sắp xếp các số sau: 28, 42, 90, 53, 36***

+ Theo thứ tự từ bé đến lớn:……

+ Theo thứ tự từ lớn đến bé: ……...

<u>Câu 3</u>: (1 điểm) Viết tiếp các thứ còn thiếu vào mỗi bông hoa?

<u>Câu 4</u>: (1 điểm) Tính nhẩm

80 + 10 = ...	40 – 20 = ...
70 + 30 = ...	80 – 50 = ...
20 + 40 = ...	90 – 80 = ...
10 + 60 = ...	60 – 30 = ...

<u>Câu 5</u>: (1 điểm) Điền > < =

85 + 3 ..... 87 37 - 31 .....32 + 3 90 …….89

34 + 5 .....80 54 + 42 ..... 45 + 31 10 ……100

Câu 6: **(1 điểm) Điền số?**

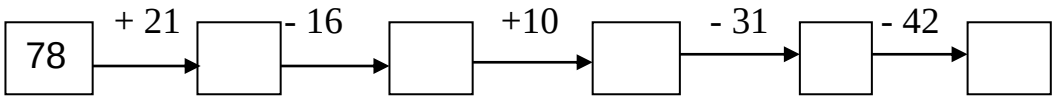

Câu 7: (1 điểm) **Đồng hồ chỉ mấy giờ?**

.....

.....

.....

Câu 8: **(1 điểm) Nối đúng ?**

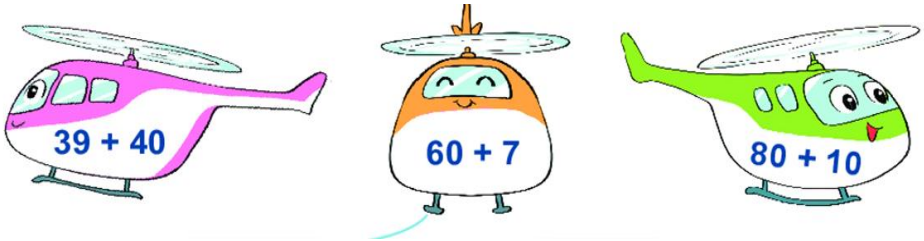

90	67	79

Câu 9: **(1 điểm)**

+ Em hãy viết các số tròn chục:.....

+ Em hãy viết các số có 2 chữ số giống nhau: .....

+ Viết các số ở giữa số 55 và 60 :.....

Câu 10: **(1 điểm)** ***Tìm phép tính và nêu câu trả lời:***

Cửa hàng có 60 bao gạo, đã bán đi 40 bao gạo. Hỏi cửa hàng còn lại bao nhiêu bao gạo?

Phép tính:

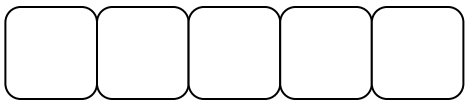

Họ và tên:…… Lớp: 1……

PHIẾU TOÁN LUYỆN HÈ SỐ 4

Bài 1. Đặt tính rồi tính:

15 + 52	50 + 12	35 + 24	21 + 26	32 + 10	81 + 7
…….	…….	…….	…….	…….	…….
…….	…….	…….	…….	…….	…….
…….	…….	…….	…….	…….	…….

65 – 15	55 – 33	45 – 4	56 – 13	36 – 33	48 - 45
…….	…….	…….	…….	…….	…….
…….	…….	…….	…….	…….	…….
…….	…….	…….	…….	…….	…….

Bài 2. Tính:

42 + 15 = …	34 + 4 – 16 = …	15 cm – 10 cm + 4 cm = …
66 – 16 = …	40 + 8 – 8 = …	30 cm + 10 cm – 20 cm = …
38 + 60 = …	37 – 32 + 33 = …	25 cm + 30 cm – 15 cm = …….

Bài 3. >,<,=?

78 – 7 ... 70	96 – 42 ... 50 + 8
38 … 30 + 8	45 + 3 … 43 + 5

Bài 4. Viết vào chỗ chấm cho thích hợp:

+ Một tuần lễ có …… ngày. Đó là: ……..

……..

+ Một tuần lễ có 2 ngày em không đến trường. Vậy một tuần lễ em tới trường …… ngày.

+ Hôm nay là ngày …… tháng…….năm……..

+ Ngày mai là ngày …… tháng …… năm……

+ Ngày kia là ngày …… tháng …….năm……

Bài 5.

Lớp 1A có 32 học sinh, lớp 1B có 33 học sinh. Hỏi cả hai lớp có tất cả bao nhiêu học sinh?

……..……..

……..……..

……..……..

Bài 6. Một sợi dõy dài 79cm. Bố cắt đi 50cm. Hỏi sợi dõy cũn lại dài bao nhiờu xăng – ti – một?

……..……..

……..……..

……..……..

Họ và tên:…… Lớp: 1……

PHIẾU TOÁN LUYỆN HÈ SỐ 5

Bài 1. Đặt tính rồi tính:

42 + 23	40 + 39	52 + 16	3 + 26	27 + 50	64 + 4
…….	…….	…….	…….	…….	…….
…….	…….	…….	…….	…….	…….
…….	…….	…….	…….	…….	…….
67 – 35	38 – 38	65 – 20	82 – 32	77 – 22	56 - 52
…….	…….	…….	…….	…….	…….
…….	…….	…….	…….	…….	…….
…….	…….	…….	…….	…….	…….

Bài 2. Tính:

35 + 41 = …	67 – 27 = …	34 cm + 12 cm = …….
20 + 67 = …	56 – 51 = …	65 cm – 23 cm = …….
22 + 15 – 16 = …	48 – 38 + 35 = …	7 cm + 32 cm – 13 cm = …….

Bài 3. >,<,=?

65 … 56	72 … 73	74 cm … 12 cm + 47 cm
88 … 99	15 + 23 … 42	31 + 15 + 22 … 15 + 22 + 31

Bài 4. Nối các phép tính có kết quả bằng nhau:

15 + 32	29 – 9	66 – 66	77 - 27	68 – 32
33 – 33	20 + 30	11 + 36	31 + 5	50 – 30

Bài 5. Huấn có 25 viên bi, Mạnh có 33 viên bi. Hỏi cả hai bạn có tất cả bao nhiêu viên bi?

……..……..

……..……..

……..……..

Bài 6. Bác Mẫn có 38 quả trứng, bác đã bán 2 chục quả trứng. Hỏi bác Mẫn còn lại bao nhiêu quả trứng?

……..……..

……..……..

……..……..

***Bài 7.** Một quyển truyện có 26 trang, bạn Lan đã đọc được một số trang trong quyển truyện đó, còn lại 15 trang chưa đọc. Hỏi bạn Lan đã đọc được bao nhiêu trang?

……..……..

……..……..

……..……..

Họ và tên:…… Lớp: 1……

PHIẾU TOÁN LUYỆN HÈ SỐ 6

Câu 1.

a) Điền số vào chỗ chấm: 60; ….. ; ….. ; 63 ; 64 ; ….. ; 66 ; 67 ; ……. ; 69

b) Đọc các số sau: 31: …….. 74: ……..

c) Viết các số 34 ; 27 ; 92 ; 59:

- Theo thứ tự từ bé đến lớn: …… ; ……; …… ; ……

- Theo thứ tự từ lớn đến bé: …… ; ……; …… ; ……

Câu 2. Tính rồi đặt tính:

2 + 47	60 + 25	79 – 6	85 - 25
..……	……	……	……
..……	……	……	……
..……	……	……	……

Câu 3. Tính:

15 cm + 30 cm = ……..…. 18 - 5 + 3=……..……..

Câu 4. Điền dấu >, <, =?

85 …… 81	15 …… 10 + 4	48 cm …….. 84 cm
68 …… 66	18 …… 15 + 3	70 cm …….. 12 cm + 23 cm

Câu 5. Lan và Mai hái được 68 bông hoa, riêng Hà hái được 33 bông hoa. Hỏi Lan hái được bao nhiêu bông hoa?

……..……..

……..……..

……..……..

Câu 6. Với các số sau **23; 68; 45**, hãy viết tất cả các phép tính đúng

……..……..

……..……..

Họ và tên:…… Lớp: 1……

PHIẾU TOÁN LUYỆN HÈ SỐ 7

Câu 1:

a) Điền số thích hợp vào chỗ chấm:

66,…,…,…,…,71,…,…,74,…,…,77.

b) Viết các số 53, 86, 100, 84 theo thứ tự từ bé đến lớn:

……..……..

Câu 2. Đặt tính rồi tính:

46 + 23 35 + 12 86 – 36 74 – 21

……..……..

……..……..

……..……..

Câu 3. Điền dấu (> < =) thích hợp vào chỗ trống:

37 + 42 …. 81 86 – 24 …. 60 + 2

40 + 8 …. 25 + 24 67 – 23 …. 21 + 15

Câu 4. Tính:

a) 34 + 3 – 2 = … 18 cm + 20 cm =…

58 – 30 – 3 = … 59 cm - 42 cm +10 cm =…

Câu 5.

a)Lớp em có 14 học sinh nam và 15 học sinh nữ. Hỏi lớp em có tất cả bao nhiêu học sinh?

……..……..

……..……..

……..……..

b) Quyển vở của lan có 48 trang, Lan đã viết hết 25 trang. Hỏi quyển vở còn lại bao nhiêu trang chưa viết?

……..……..

……..……..

……..……..

Họ và tên:…… Lớp: 1……

PHIẾU TOÁN LUYỆN HÈ SỐ 8

I. Phần trắc nghiệm (5 điểm): Em hãy khoanh tròn vào chữ cái đặt trước kết quả đúng:

Câu 1 (1 điểm): Số gồm 6 đơn vị và 3 chục được viết là:

A. 63 B. 36 C. 30 D. 60

Câu 2 (1 điểm): Chọn đáp án đúng. Hộp bút này dài bao nhiêu cm?

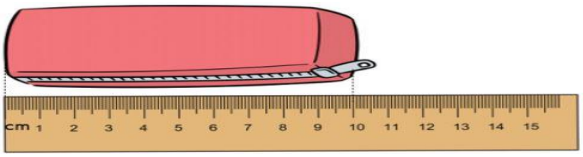

A. 7 cm B. 8 cm C. 9 cm D. 10 cm

Câu 3 (1 điểm): Đồng hồ dưới đây chỉ mấy giờ?

A. 8 giờ B. 16 giờ C. 18 giờ D. 12 giờ

Câu 4 (1 điểm):

A. Thứ ba B. Thứ tư C. Chủ nhật D. Thứ sáu

Câu 5 (1 điểm): Điền dấu thích hợp:

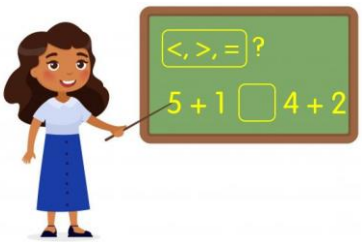

A. = B. < C. > D. Không so sánh được

II. Phần tự luận (5 điểm)

Câu 6 (1 điểm): Đặt tính rồi tính:

37 – 4 12 + 6 33 + 11 45 – 23

……..

……..

……..

Câu 7 (1 điểm): Sắp xếp các số 62, 5, 92, 17 theo thứ tự từ lớn đến bé.

……..

Câu 8 (1 điểm): Viết phép tính thích hợp và trả lời câu hỏi:

An có 19 quả táo, An cho em 7 quả. Hỏi An còn bao nhiêu quả táo?

……..

……..

Câu 9 (1 điểm): Tính?

Họ và tên:…… Lớp: 1……

PHIẾU TOÁN LUYỆN HÈ SỐ 9

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM

Khoanh tròn vào chữ cái trước đáp án đúng từng bài tập dưới đây:

Câu 1. a. Số 15 đọc là:

A. Mười lăm B. Mười năm C. Năm mươi D. Mươi năm

b. Số *"sáu mươi tư"* **được viết là:**

A. 60 B. 63 C. 64 D. 65

Câu 2. a.) Đồng hồ chỉ mấy giờ?

A. 12 giờ C. 2 giờ

B. 1 giờ D. 3 giờ

b. Hình bên có..... hình vuông?

A. 3 C. 5

B. 4 D. 6

Câu 3. Cho dãy số: 23, 56, 65, 32

a. Số nào lớn nhất?

A. 23 B. 56 C. 65 D. 32

b. Số nào bé nhất?

A. 23 B. 56 C. 65 D. 32

Câu 4. a. Kết quả của phép tính 65 – 3 là:

A. 68 B. 35 C. 62 D. 95

b. Kết quả của phép tính 46 + 12 là:

A. 67 B. 57 C. 34 D. 25

Câu 5. Số cần điền vào chỗ chấm là:

a. Trong các số 14, 25, 39, 67 số nào là số chẵn?

A. 14 B. 25 C. 39 D. 67

b. Cho dãy số 5, 10, 15, 20, ..., 30, 35, 40. Số cần điền vào chỗ chấm là:

A. 22 B. 23 C. 24 D. 25

Câu 6. a. Dãy số nào sau đây xếp theo thứ tự từ bé đến lớn?

A. 23, 12, 15, 45 B. 12, 15, 23, 45 C. 45, 12, 23, 15 D. 15, 12, 23, 45

b. Số bé nhất có hai chữ số giống nhau là:

A. 10 B. 11 C. 22 D. 33

Câu 7. Lan hái 15 bông hoa. Mai hái 10 bông hoa. Hỏi cả hai bạn hái được bao nhiêu bông hoa ?

A. 20 B. 25 C. 30 C. 35

Câu 8. Hôm nay là thứ hai ngày 10 tháng 5. Vậy ngày 13 tháng 5 là thứ mấy?

A. Thứ ba B. Thứ tư C. Thứ năm C. Thứ sáu

II. PHẦN TỰ LUẬN

Câu 9.

23 – 11	55 + 20	33 + 6	73 – 3
…….	…….	…….	…….
…….	…….	…….	…….
…….	…….	…….	…….

Câu 10. Đàn gà có 46 con, trong đó có 2 chục con đã vào chuồng. Hỏi còn lại bao nhiêu con gà chưa vào chuồng?

……..……..

……..……..

……..……..

Họ và tên:…… Lớp: 1……

PHIẾU TOÁN LUYỆN HÈ SỐ 10

Phần 1: Em hãy khoanh vào đáp án đúng

I. Trắc nghiệm: Hãy chọn đáp án đúng nhất cho các câu sau.

Câu 1: 65 đọc là:

A. Sáu năm. B. Sáu mươi năm. C. Sáu mươi lăm.

Câu 2: Kết quả của phép tính: 80 – 60 + 18= ?

A. 38 B. 39 C. 28

Câu 3: Cây nào cao nhất?

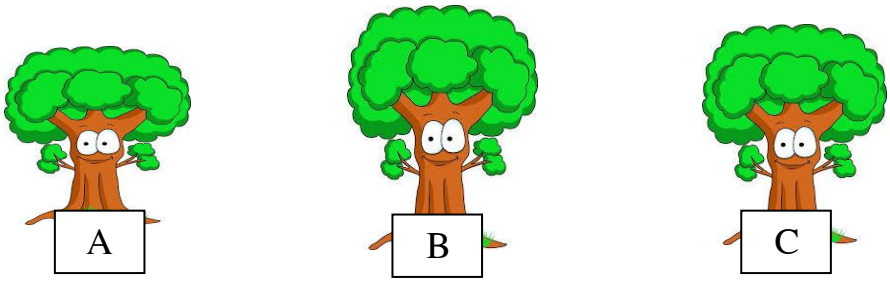

Câu 4: Dãy số xếp theo thứ tự tăng dần là:

A. 83, 48, 65, 99 B. 33, 48, 65, 99 C. 33, 65, 48, 90

Câu 5: Điền dấu thích hợp viết vào ô trống là: 76 – 54…..65

A. > B. < C. =

Câu 6: Buổi sáng Hồng làm được 12 bông hoa, buổi chiều Hồng làm được 13 bông hoa. Hỏi cả ngày Hồng làm được bao nhiêu bông hoa? Phép tính đúng là:

A. 13 – 12 = 1 B. 12 + 13= 15 C. 12 + 13 = 25

Câu 7: Số tròn chục điền vào chỗ chấm: 45 > …..> 25 là :

A. 20 B. 50 C. 40

II. Tự luận:

<u>Bài 1</u>: Đặt tính rồi tính.

42 + 14	57 – 32	4 + 63	86- 6	40 + 9	95- 90
……..	……..	……..	……..	……..	……..
……..	……..	……..	……..	……..	……..
…….	……..	……..	……	……	……..

<u>Bài 2</u>: Điền dấu >, <, =

77- 7 …. 42 + 7 89 - 9 …. 8 + 2 + 70

90- 30… 67- 5 24 - 12 …. 7 + 20 - 15

<u>Bài 3:</u> Điền số thích hợp vào chỗ trống

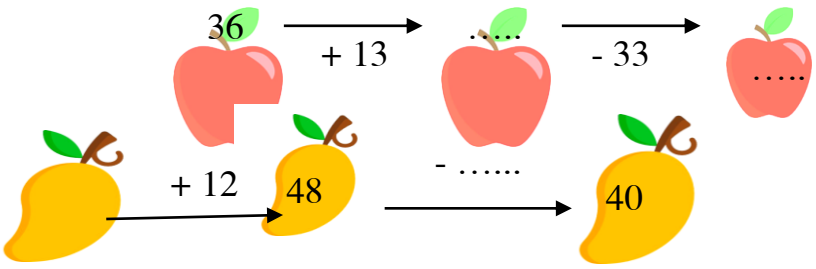

<u>Bài 4</u>: Trên xe có 48 người, tới bến xe có 10 người xuống xe. Hỏi trên xe còn lại bao nhiêu người?

			=	

<u>Bài 5</u>: Tính

12 + 43 + 21= ….. 16 + 23 + 40 = …….

22 + 31 + 43 = …. 13 + 20 + 54 = ……

50 + 11 + 37 = …. 62 + 11 + 23 = …….

<u>Bài 6</u> : Viết các số: 23, 45, 68, 90, 55, 31, 40 :

A,Từ bé đến lớn : ……

B,Từ lớn đến bé : ……..

Họ và tên:…… Lớp: 1……

PHIẾU TOÁN LUYỆN HÈ SỐ 11

Phiếu luyện

I.Phần trắc nghiệm : Khoanh tròn vào đáp án đặt trước câu trả lời đúng:

Câu 1: Số gồm 6 chục và 9 đơn vị là:

A. 609 B. 96 C. 69 D. 60

Câu 2: Số lớn nhất có hai chữ số khác nhau là:

A. 10 B. 98 C. 90 D. 99

Câu 3: Chữ số 5 trong số 54 ở hàng nào?

A. hàng đơn vị B. hàng chục C. hàng trăm

Câu 4: 18 – 4 – 3 được kết quả là:

A. 14 B. 13 C. 11 D. 9

Câu 5: Xăng-ti-mét là đơn vị đo :

A. Cân nặng B. Độ dài C. Thời gian

Câu 6: Viết sso thích hợp vào ô trống

Trong hình bên:

-Có.....hình tam giác

-Có.....hình chữ nhật

-Có.....hình tròn

-Có.....hình vuông

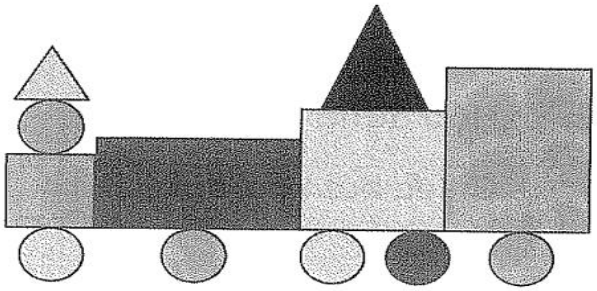

II. Phần tự luận

Câu 7: Đúng ghi Đ, sai ghi S:

59	**78**	**96**	**37**
- 8	**- 2**	**- 2**	**- 7**
51 ☐	**78** ☐	**76** ☐	**30** ☐

Câu 8: **Đặt tính rồi tính:**

67 - 35	**48 - 12**	**47 - 17**	**86 - 80**
.....	.....	.....	.....
.....	.....	.....	.....
.....	.....	.....	.....

Câu 9: **Tô màu vào đám mây ghi phép tính có kết quả lớn hơn 45:**

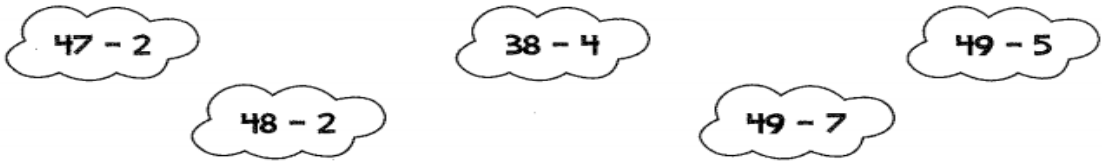

Câu 10: Viết phép tính thích hợp vào ô trống:

Anh Đức hái được 32 quả bưởi, chị Huệ hái được 23 quả bưởi. Hỏi cả hai anh chị hái được bao nhiêu quả bưởi ?

Cả hai anh chị hái được .....quả bưởi.

Họ và tên:…… Lớp: 1……

PHIẾU TOÁN LUYỆN HÈ SỐ 12

I. Khoanh vào câu trả lời đúng trong mỗi câu hỏi dưới đây :

Câu 1 : Số cần điền trong dãy tính 31 + 43 + ….. = 95 là :

A. 20 B. 21 C. 22 D. 23

Câu 2 : Có tất cả bao nhiêu số có hai chữ số giống nhau ?

A. 6 B. 7 C.8 D. 9

Câu 3 : Số có hai chữ số mà chữ số hàng chục bé hơn chữ số hàng đơn vị là :

A.31 B. 33 C. 35 D. 53

Câu 4 : Kết quả của số lớn nhất có hai chữ số trừ đi số lớn nhất có một chữ số là :

A. 99 B. 89 C. 98 D. 90

Câu 5: Đoạn thẳng thứ nhất dài 16cm, đoạn thẳng thứ hai dài 31cm. Hỏi cả hai đoạn thẳng dài bao nhiêu cm?

A. 40cm B. 43cm C. 47cm D. 49cm

Câu 6: Hôm qua là thứ hai, ngày mai là thứ mấy?

A. Thứ ba B. Thứ tư C. Thứ năm D. Thứ sáu

Câu 7 : Nếu hôm nay là thứ 3 ngày 24. Hỏi ngày 29 là thứ : …….

II. Tự luận:

Bài 1. Đặt tính rồi tính :

56 + 41	5 + 70	84 + 3	96 - 36	75 - 72	68 - 4
……	……	……	……	……	……
……	……	……	……	……	……
……	……	……	……	……	……

Bài 2. Tính :

85 - 32 + 30 =… 76 - 3 + 22 =…

97 - 14 - 82 = … 7 + 51 - 32 =

Bài 3. Số ?

78 - … = 73 ….. - 7 = 20

51 + … = 59 … + 50 = 90

Bài 4. Điền dấu < , > , =

86 +12 - 45 ☐ 87 - 35 8 + 61 ☐ 82 - 32 + 25

99 - 56 + 42 ☐ 95 - 10 34 + 60 - 82 ☐ 79 – 49 + 7

Bài 5.

a) Cửa hàng có hai chục túi gạo nếp và 36 túi gạo tẻ. Hỏi cửa hàng có tất cả bao nhiêu túi gạo?

Phép tính: □ ○ □ = □

Trả lời: Cửa hàng có tất cả □ túi gạo.

b) Một quyển sách dày 85 trang, Lan đã đọc được 40 trang.Hỏi Lan còn phải đọc tất cả bao nhiêu trang nữa thì hết quyển sách ?

Phép tính: □ ○ □ = □

Trả lời: Lan phải đọc ….. trang nữa thì hết quyển sách

<u>Bài 8:</u> Quan sát hình bên:

Có …. . hình tam giác.

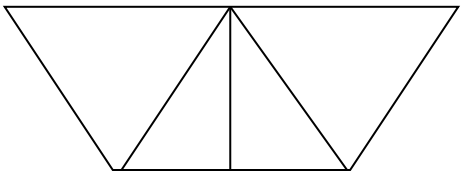

Họ và tên:…… Lớp: 1……

PHIẾU TOÁN LUYỆN HÈ SỐ 13

PHẦN I: TRẮC NGHIỆM (3 điểm) (Mỗi câu trả lời đúng được 0,5 điểm)

Khoanh hoặc điền tròn vào chữ cái trước câu trả lời đúng

Câu 1: Số gồm 2 chục và 1 đơn vị đọc là:

A, Hai một B, Hai mươi mốt C, Hai mươi một

Câu 2: Phép tính có kết quả là số tròn chục là:

A, 76 - 56 B, 20 + 25 C, 73 – 42

Câu 3: Phép tính sai là:

A, 32 + 23 = 64 B, 21 + 22 = 43 C, 90 – 30 = 60

Câu 4: Số nhỏ nhất có hai chữ số mà hàng chục cộng hàng đơn vị bằng 9 là

A, 19 B, 36 C, 18

Câu 5: Bố đi công tác 1 tuần và 2 chục ngày. Vậy bố đi công tác tất cả số ngày là:

A, 3 ngày B, 21 ngày C, 27 ngày

Câu 6:

- Ngày Gia đình Việt Nam là 28 tháng sáu , vào thứ .....
- Ngày đầu tuần của tuần đó là thứ ..... ngày ..... tháng sáu

PHẦN II: TỰ LUẬN

Câu 1: Đặt tính rồi tính

12 - 2 8 + 2 65 - 20 73 + 6

Câu 2 Tính nhẩm

98 - 58 =..... 44 + 31 - 40 =.....

27 + 70 - 35 =..... 90 cm – 80 cm + 26 cm =.....

<u>Câu 3</u> Viết phép tính và số thích hợp

Hòa hái được 3 chục bông hoa. Hòa cho bạn 1 chục bông hoa. Hỏi Hòa còn lại bao nhiêu bông hoa?

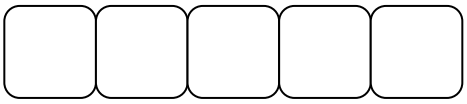

Câu trả lời: .....

<u>Câu4</u> Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

Trong hình vẽ bên có:

a) …….. hình vuông.

b) …….. hình tam giác.

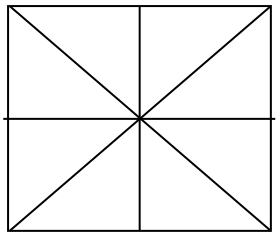

Họ và tên:…… Lớp: 1……

PHIẾU TOÁN LUYỆN HÈ SỐ 14

A. Hãy khoanh tròn vào chữ cái đặt trước kết quả đúng:

1. Số 54 là kết quả của phép tính nào:

A. 24 + 20 B. 52 + 2 C. 50 + 5

2. Số bé nhất có hai chữ số là:

A. 9 B. 90 C. 10

3. Số 65 đọc là:

A. Sáu mươi lăm B. Sáu lăm C. Sáu mươi năm.

4. Kết quả của phép tính: 26 + 3 - 7 là:

A. 27 B. 28 C. 22

5. Số "Chín mươi sáu" gồm:

A. 9 và 6 C. 6 chục và 9 đơn vị D. 9 chục và 6 đơn vị.

6. Số lớn nhất có một chữ số cộng với số bé nhất có hai chữ số bằng:

A. 19 B. 10 C. 99

7. Dấu điền vào chỗ chấm của 47 ……. 42 + 7 là:

A. > B. < C. =

8. Một tuần lễ em được nghỉ học mấy ngày:

A. 5 ngày B. 2 ngày C. 7 ngày

B. Tự luận:

Bài 1: a) Đặt tính rồi tính:

65 + 23	54 + 41	87 – 15	78 – 7
……..	……..	……..	……..
……..	……..	……..	……..
……..	……..	……..	……..
……..	……..	……..	……..

b) Tính: 44 cm + 14 cm = …….. 69 cm – 5 cm = ……..

Bài 2: Viết các số: 36, 90, 27, 72, 41, 25.

- Theo thứ tự từ bé đến lớn: ……..……..……..……..……..……..……..

- Số có hàng đơn vị bé hơn hàng chục là: ……..……..……..……..……..…...

Bài 3: Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

Trong hình vẽ bên có:

a) ……. hình vuông.

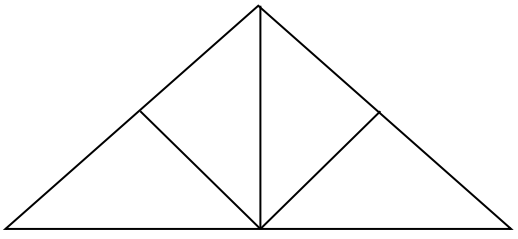

b) ……. hình tam giác.

Bài 4: Lan có sợi dây dài 75 cm, Lan cắt đi 41 cm. Hỏi sợi dây còn lại bao nhiêu xăng-ti-mét?

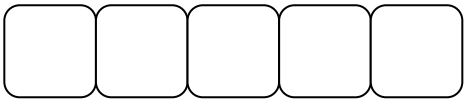

Bài 5: +, -?

70		13	=	83

32		21	=	11

Họ và tên:…… Lớp: 1……

PHIẾU TOÁN LUYỆN HÈ SỐ 15

A. Hãy khoanh tròn vào chữ cái đặt trước kết quả đúng:

1. Số lớn nhất có hai chữ số tròn chục là:

A. 10 B. 90 C. 99 D. 98

2. Số 75 đọc là:

A. Bảy mươi lăm B. Bảy lăm C. Bảy mươi năm.

3. Kết quả của phép tính: 24 + 13 - 6 là:

A. 31 B. 43 C. 33 D. 30

4. Số "Hai mươi chín" viết là:

A. 29 B. 2 và 9 C. 92 D. 9 và 2.

5. Số lớn nhất có hai chữ số khác nhau trừ đi số bé nhất có hai chữ số giống nhau bằng:

A. 87 B. 88 C. 89 D. 99

6. Dấu điền vào chỗ chấm của 86 ……. 40 + 53 là:

A. > B. < C. =

7. Lớp 1A, 1B và 1C có 39 bạn nam, trong đó lớp 1A có 12 bạn nam, lớp 1C có 14 bạn nam, hỏi lớp 1C có bao nhiêu bạn nam?

A. 13 bạn B. 26 bạn C. 27 bạn

8. Cho các số: 89, 98, 79, 87, 97. Số lớn nhất trong các số đó là:

A. 89 B. 98 C. 97 D. 87

B. Tự luận:

Bài 1: a) Đặt tính rồi tính:

65 + 23	67 - 41	57 – 5	52 – 22
……..	……..	……..	……..
……..	……..	……..	……..
……..	……..	……..	……..

b) Tính: 43 cm + 16 cm = …….. 79 cm – 23 cm = ……..

Bài 2: Viết các số: 47, 27, 94, 58, 54.

- Theo thứ tự từ bé đến lớn: ……..……..……..……..……..……..……..

- Số có hai chữ số mà hàng đơn vị bằng 4 là: ……..……..……..……..……...

Bài 3: Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

Trong hình vẽ bên có:

a) …….. hình vuông.

b) …….. hình tam giác.

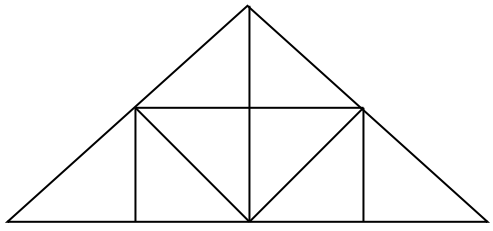

Bài 4: Vườn nhà bà có 48 cây vải và nhãn, trong đó có 22 cây vải. Hỏi vườn nhà bà có bao nhiêu cây nhãn?

Câu trả lời : ……..

Bài 5: Vẽ thêm kim giờ để đồng hồ chỉ:

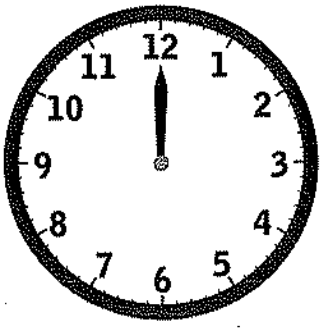

8 giờ

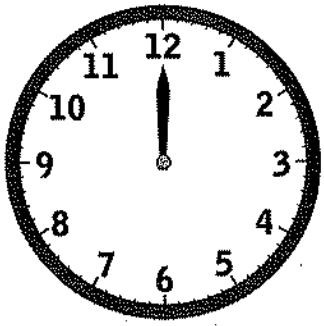

4 giờ

Bài 6: Số?

45	+		<	46

66	-		>	65

Bài 7: Số con gà bà nuôi là một số lớn nhất có hai chữ số trừ đi số bé nhất có hai chữ số. Số gà đó là: ……. con.

Bài 8: Cho 3 số: 22, 57, 35. Hãy viết 4 phép tính thích hợp từ 3 số đã cho.